

Bản án số: 64/2026/HS-ST

Ngày 24 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chất

Ông Đào Xuân Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh năm 1982 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370820041xx cấp ngày 16/12/2021 của Cục Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội Bộ C2; Nơi cư trú xóm G, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ Lê Thị Hà T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 01/3/2023 của Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 6.250.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành nộp phạt xong ngày 01/3/2023; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

- Bị hại: Bà Trương Thị N1, sinh năm 1942; Nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình (đã chết ngày 18/7/2025)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; Nơi cư trú: xóm C, xã Q, tỉnh Ninh

Bình (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966 (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Đều cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Nguyễn Đình T5, sinh năm 1970; Nơi cư trú: tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976; Nơi cư trú: xóm F, xã Q, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1, ông T2, anh T5, anh T4, chị M:
Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968; Nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình (theo Giấy uỷ quyền ngày 22/7/2025), (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Ngô Văn L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn P, xã M, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Ninh Văn C, sinh năm 1986; ông Ninh Văn C1, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969; anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 2004 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B là người chưa được cấp Giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/7/2025, Phạm Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 trên yên xe có gắn giá đỡ hàng được xếp 02 sọt kim loại hình trụ tròn có đường kính là 49 cm đi từ xã K, tỉnh Ninh Bình đến xã Q, tỉnh Ninh Bình. Phạm Văn B điều khiển xe mô tô trên phần đường đi bên phải theo hướng ĐT 482B đi đường Q với tốc độ khoảng 35-40 km/h. Khi đi đến đoạn đường trực thuộc xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình thì Phạm Văn B quan sát thấy phía trước khoảng 20-30 m có bà Trương Thị N1 đang đi bộ cùng chiều, sát mép đường bên phải, B không giảm tốc độ, không bấm còi báo hiệu mà tiếp tục điều khiển xe mô tô đi thẳng. Khi xe mô tô do B điều khiển cách bà N1 khoảng 3-4 m, B quan sát thấy bà N1 đang đi bộ sang đường. Lúc này B giảm tốc độ, đánh lái sang bên trái để tránh nhưng do khoảng cách gần nên phần đáy sọt chở hàng bên phải xe mô tô đã va chạm vào cẳng chân bên trái của bà N1, xe mô tô bị đổ, bà N1 bị ngã ra đường.

Hậu quả: Bà Trương Thị N1 bị thương tích được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh N đến 15 giờ 00 phút cùng ngày bà N1 đã tử vong.

Vật chứng thu giữ: 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 số 0173756 mang tên Ngô Văn L, địa chỉ xã C, huyện V, tỉnh Nam Định do Phòng C3 Công an tỉnh N (cũ) cấp ngày 31/8/2005; 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763, nhãn hiệu MOTOSTAR, loại xe nữ, màu sơn xanh, số khung D253-831, số máy M3G-253831 đã qua sử dụng (có gắn 02 sọt sắt hình trụ tròn); 01 Căn cước công dân số 037082004137 cấp ngày 16/12/2021 của Cục Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội Bộ Công an mang tên Phạm Văn B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C3 đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện đối với xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 theo quy định của pháp luật.

Kết quả đo nồng độ cồn, ma túy đối với Phạm Văn B xác định: Phạm Văn B không có nồng độ cồn và chất ma túy trong cơ thể.

Tại Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 05/KLKTHS-TTPY ngày 03/9/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh N kết luận: *“Nguyên nhân tử vong trên hồ sơ của bà Trương Thị N1: Chấn thương sọ não có phù não, dập não, tụ máu, chảy máu não - màng não trên nạn nhân đã chấn thương do tai nạn giao thông”*

Tại Kết luận giám định số 941/KL-KTHS-CH ngày 09/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh C3 kết luận: *“Không có đủ cơ sở xác định trên mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 có dấu vết va chạm với bà Trương Thị N1, sinh năm 1942, trú tại xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình hay không”*.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định Căn cước công dân số 037082004137 cấp ngày 16/12/2021 của Cục Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội Bộ C2 thuộc quyền sở hữu của Phạm Văn B. Ngày 21/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C3 đã trả lại Căn cước công dân trên cho bị cáo theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn B đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bà Trương Thị N1 số tiền 50.000.000 đồng. Gia đình bà N1 đã nhận không có đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra Phạm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS-KV4 ngày 18 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Phạm Văn B 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn B.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn B đã bồi thường cho gia đình bà Trương Thị N1 số tiền 50.000.000 đồng. Gia đình bà N1 đã nhận không có đề nghị gì. Do vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho bị cáo Phạm Văn B 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763, nhãn hiệu MOTOSTAR, loại xe nữ, màu sơn xanh, số khung D253-831, số máy M3G-253831, trên yên xe có gắn 02 sọt sắt hình trụ tròn và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 số 0173756 mang tên chủ xe là Ngô Văn L do Phòng C3 Công an tỉnh N (cũ) cấp ngày 31/8/2005.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn B thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố, xét xử là đúng người đúng tội.

Lời nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm lo cho gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, dấu vết để lại trên hiện trường và dấu vết trên các phương tiện liên quan đến tai nạn, phù hợp với Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 05/KLKTHS-TTPY ngày 03/9/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh N (BL 41-42); Kết luận giám định số

941/KL-KTHS-CH ngày 09/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh C3 (BL 46); biên bản khám nghiệm hiện trường + Sơ đồ hiện trường + biên bản khám nghiệm phương tiện + Bản ảnh chụp hiện trường và khám nghiệm phương tiện (BL 59-73) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn B là người không có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/7/2025, Phạm Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 trên yên xe có gắn giá chở hàng, được xếp thành 02 sọt kim loại hình trụ tròn, vượt quá chiều rộng cho phép (12 cm) đi trên đường trục xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình theo hướng đường ĐT482B đi qua Quốc lộ A. Do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ đến mức an toàn nên phần đáy sọt chở hàng bên phải xe mô tô đã va chạm vào cẳng chân bên trái của bà Trương Thị N1 đang đi bộ sang đường làm bà N1 ngã ra đường sau đó tử vong. Hành vi của bị cáo Phạm Văn B đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9; điểm a khoản 3 Điều 12; khoản 5 Điều 33 của Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông bộ” thuộc trường hợp “Không có giấy phép lái xe theo quy định” tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

.....;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b)

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, cần chấp nhận.

[2] Bị cáo Phạm Văn B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết không có giấy phép lái xe theo quy định mà điều khiển phương tiện tham gia

giao thông là vi phạm pháp luật. Mặt khác khi tham gia giao thông bị cáo đã không tuân thủ các quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường bộ như đã nêu trên hậu quả bị cáo đã gây tai nạn dẫn đến bà Trương Thị N1 bị tử vong.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mặt khác bị hại bà N1 cũng có một phần lỗi khi đi bộ sang đường không chú ý quan sát, không có tín hiệu bằng tay để xin đường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

- Về nhân thân: bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mặc dù bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nhưng với lỗi vô ý nên cần xử phạt bị cáo bằng loại hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của Kiểm sát viên thể hiện sự khoan hồng và chính sách nhân đạo của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn B đã thoả thuận bồi thường cho gia đình bị hại bà Trương Thị N1 số tiền 50.000.000 đồng, gia đình bà N1 đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác. Do vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763, nhãn hiệu MOTOSTAR, loại xe nữ, màu sơn xanh, số khung D253-831, số máy M3G-253831, trên yên xe có gắn 02 sọt sắt hình trụ tròn và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 số 0173756 mang tên chủ xe là Ngô Văn L do Phòng C3 Công an tỉnh N (cũ) cấp ngày 31/8/2005. Bị cáo đã mua lại chiếc xe mô tô trên của anh Ngô Văn L địa chỉ xã C, huyện V, tỉnh Nam Định (cũ) từ năm 2020 nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Xét các vật chứng trên là tài sản của Phạm Văn B. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại các vật chứng trên cho bị cáo Phạm Văn B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về một số tình tiết khác liên quan đến vụ án:

- Trong vụ án này bà Trương Thị N1 đi bộ chuyển hướng sang đường không chú ý quan sát, không có tín hiệu bằng tay xin sang đường đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật trật tự an toàn, giao thông đường bộ. Bà N1 cũng có một phần lỗi nhưng không phải là nguyên nhân chính, trực tiếp dẫn đến tai nạn. Do bà Trương Thị N1 đã tử vong nên không xem xét xử lý.

- Bị cáo Phạm Văn B đã mua bán chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 18F4-5763 của anh Ngô Văn L địa chỉ xã C, huyện V, tỉnh Nam Định (cũ) từ năm 2020 nhưng chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số xe theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C3 đã chuyển hành vi vi phạm trên đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh C3 quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B bị kết án là có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/4/2026.

Giao bị cáo Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật hành án hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn B: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763, nhãn hiệu MOTOSTAR, loại xe nữ, màu sơn xanh, số khung D253-831, số máy M3G-253831, trên yên xe có gắn 02 sọt sắt hình trụ tròn và 01 (một) đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18F4-5763 số 0173756 mang tên chủ xe là Ngô Văn L do Phòng C3 Công an tỉnh N (cũ) cấp ngày 31/8/2005.

(Chi tiết như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C3 và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Ninh Bình)

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/4/2026. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
 - Phòng PC01 Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Cơ quan THAHS Công an tỉnh: 01 bản;
 - Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
 - Bị cáo: 01 bản;
 - Người đại diện hợp pháp của bị hại: 05 bản;
 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 01 bản;
 - Lưu hồ sơ: 02 bản;
 - Lưu tòa, HCTP: 03 bản;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu